

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Rạch Giá, ngày 20 tháng 4 năm 2018

CÔNG NHÂN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

* Nguyên đơn: Anh Phạm Văn Th, sinh năm: 1987.

* Bị đơn: Chi Trương Thị Mỹ M, sinh năm: 1985.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng
ư;

Căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 9; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Văn Th và chị Trương Thị Mỹ M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn Th và chị Trương Thị Mỹ M xác định vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Anh Phạm Văn Th và chị Trương Thị Mỹ M thống nhất thỏa thuận giao người con tên Phạm Thiện Â, sinh ngày 22/7/2016 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, anh Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở anh Th thực hiện quyền này.

Hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng hoặc giao nhận tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phạm Văn Th và chị Trương Thị Mỹ M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do thuận tình ly hôn nên án phí phải nộp là 150.000đ, anh Th và chị M mỗi người phải nộp là 75.000đ. Anh Th tự nguyện nộp thay cho chị M 75.000 đồng và anh Th phải chịu án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng nên anh Th phải nộp án phí là 300.000 đồng. Anh Th được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003956 ngày 22/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG, Kiên Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

THẠCH SÔ PHÉP

- Căn cứ vào Điều 8, khoản 11 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và

khoản 2 Điều 16 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP, ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;